

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 17-12-2021

V/v “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang

2. Bà Lê Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 03/2021/TB-TA ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-MLPT ngày 30 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ 6, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị G, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ 6, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông và bà Trần Thị G tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi khi

cưới nhau, ông bà cùng chung sống tại địa chỉ Tổ 6, khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

Ông bà chung sống đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà G đã ngoại tình với người đàn ông khác và bị ông T bắt gặp được nhiều lần. Tuy ông đã tha thứ và nhiều lần khuyên ngăn bà G để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng bà G vẫn không chấm dứt với người tình mà còn bỏ nhà đi chung sống cùng nhân tình của mình. Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên chúng tôi thường xảy ra gây gổ, tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Từ thời gian đó đến nay, ông bà ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy không còn tình cảm với nhau nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông và bà G chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Huy Hoàng, sinh ngày 13/8/2005; Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, sinh ngày 30/6/2007 và Nguyễn Thanh Phong, sinh ngày 15/9/2012, hiện nay ba con đang sống cùng ông T. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Trần Thị G:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà G được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà G vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: bị đơn bà Trần Thị G đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của ông Nguyễn Văn T xin ly hôn với bà Trần Thị G là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông T được ly hôn với bà G; Về con chung: Ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị G, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163, ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông T thì trong quá trình chung sống, giữa ông và bà G thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bà G có tình cảm người khác, ông T nhiều lần khuyên nhủ để cùng chăm sóc con nhưng bà G không nghe mà bỏ đi khỏi nhà cả năm nay; không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Ông T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà G, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà ông T đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập bà G đến Tòa án để bà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông T; cũng như thông báo để bà G tham gia các phiên hòa giải nhưng bà đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của ông T về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc bà G không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T, bà G có 03 con chung tên Nguyễn Huy Hoàng, sinh ngày 13/8/2005; Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, sinh ngày 30/6/2007 và Nguyễn Thanh Phong, sinh ngày 15/9/2012; đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của các con nên chấp nhận yêu cầu của ông T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không có yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị G.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Huy Hoàng, sinh ngày 13/8/2005; Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, sinh ngày 30/6/2007 và Nguyễn Thanh Phong, sinh ngày 15/9/2012 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2019/0004751 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT. Đất Đỏ, H. Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**